

Số: /QĐ-GDĐT

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở
Năm học 2023-2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 11/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở;

Căn cứ Công văn số 1864/SGDĐT-KTKĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp THCS năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 07/2002/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức;

Xét đề nghị của Bộ phận chuyên môn Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở năm học 2023-2024 cho 14.601 học sinh các trường Trung học cơ sở Thành phố Thủ Đức (danh sách đính kèm).

Điều 2. Học sinh có tên trong danh sách sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 4. Trưởng các bộ phận liên quan của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thông báo đến học sinh và lưu trữ danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở kèm theo Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để báo cáo);
- TT/UBND TP.Thủ Đức (để báo cáo);
- Như điều 4: (để thực hiện);
- Lưu: VT, Quý, Huyền, Minh (90).

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Vĩnh Nguyên

KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ - KHÓA THÁNG 05/2024
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Đính kèm Quyết định số: /GDDT ngày tháng 5 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	TT	TRƯỜNG THCS	KẾT QUẢ XÉT TN.THCS NĂM HỌC 2023 - 2024					TRONG ĐÓ						GHI CHÚ
			TỔNG SỐ HS K9	ĐỦ ĐIỀU KIỆN TN		KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TN		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		
				SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	
1	1	THCS An Phú	300	300	100	0	0.0	160	53.3	101	33.7	39	13.0	
2	2	THCS Bình An	231	231	100	0	0.0	79	34.2	95	41.1	57	24.7	
3	3	THCS Giồng Ông Tố	237	237	100	0	0.0	115	48.5	89	37.6	33	13.9	Hệ VLVH
		PC THCS Giồng Ông Tố	15	15	100	0	0.0	2	13.3	9	60.0	4	26.7	
4	4	THCS Lương Định Của	440	440	100	0	0.0	226	51.4	153	34.8	61	13.9	
5	5	THCS Nguyễn Thị Định	192	192	100	0	0.0	84	43.8	73	38.0	35	18.2	
6	6	THCS Nguyễn Văn Trỗi	316	316	100	0	0.0	167	52.8	105	33.2	44	13.9	
7	7	THCS Thạnh Mỹ Lợi	185	185	100	0	0.0	92	49.7	72	38.9	21	11.4	
8	8	THCS Trần Quốc Toàn 1	285	285	100	0	0.0	222	77.9	55	19.3	8	2.8	
9	9	THCS Cát Lái	173	173	100	0	0.0	43	24.9	79	45.7	51	29.5	
10	10	Song ngữ Quốc tế Horizon	23	23	100	0	0.0	12	52.2	10	43.5	1	4.3	
11	11	Tiểu học - THCS Tâm Tuệ Đức	32	32	100	0	0.0	13	40.6	11	34.4	8	25.0	
CỤM CHUYÊN MÔN 9 PHƯỜNG			2429	2429	100.0	0	0.0	1215	50.0	852	35.1	362	14.9	
12	1	THCS Hoa Lư	505	505	100	0	0.0	361	71.5	96	19.0	48	9.5	
13	2	THCS Trần Quốc Toàn	518	518	100	0	0.0	318	61.4	148	28.6	52	10.0	Hệ VLVH
		PC THCS Trần Quốc Toàn	28	28	100	0	0.0	10	35.7	15	53.6	3	10.7	
14	3	THCS Phước Bình	635	635	100	0	0.0	317	49.9	204	32.1	114	18.0	
15	4	THCS Đặng Tấn Tài	365	364	100	1	0.3	190	52.2	103	28.3	71	19.5	Hệ VLVH
		PC THCS Đặng Tấn Tài	29	29	100	0	0.0	0	0.0	2	6.9	27	93.1	
16	5	THCS Tân Phú	467	460	98.5	7	1.5	182	39.6	142	30.9	136	29.6	Hệ VLVH
		PC THCS Tân Phú	25	25	100	0	0.0	0	0.0	7	28.0	18	72.0	
17	6	THCS Hưng Bình	384	382	99.5	2	0.5	211	55.2	120	31.4	51	13.4	Hệ VLVH
		PC THCS Hưng Bình	10	10	100	0	0.0	0	0.0	6	60.0	4	40.0	
18	7	THCS Hiệp Phú	401	401	100	0	0.0	184	45.9	158	39.4	59	14.7	
19	8	THCS Long Bình	298	297	99.7	1	0.3	100	33.7	114	38.4	83	27.9	
20	9	THCS Long Phước	154	154	100	0	0.0	43	27.9	57	37.0	54	35.1	
21	10	THCS Long Trường	255	255	100	0	0.0	105	41.2	82	32.2	68	26.7	

STT	TT	TRƯỜNG THCS	KẾT QUẢ XÉT TN.THCS NĂM HỌC 2023 - 2024					TRONG ĐÓ						GHI CHÚ
			TỔNG SỐ HS K9	ĐỦ ĐIỀU KIỆN TN		KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TN		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		
				SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	
22	11	THCS Phú Hữu	118	117	99.2	1	0.8	27	23.1	39	33.3	51	43.6	Hệ VLVH
		PC THCS Phú Hữu	5	5	100	0	0.0	3	60.0	0	0.0	2	40.0	
23	12	THCS Trường Thạnh	297	297	100	0	0.0	137	46.1	121	40.7	39	13.1	
24	13	THCS Tăng Nhơn Phú B	401	399	99.5	2	0.5	182	45.6	113	28.3	104	26.1	
25	14	Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	320	320	100	0	0.0	102	31.9	130	40.6	88	27.5	
26	15	THCS - THPT Hoa Sen	120	120	100	0	0.0	26	21.7	68	56.7	26	21.7	
27	16	THCS Khai Nguyên	25	25	100	0	0.0	10	40.0	14	56.0	1	4.0	
CỤM CHUYÊN MÔN 13 PHƯỜNG			5360	5346	99.7	14	0.3	2508	46.9	1739	32.5	1099	20.6	
28	1	THCS Bình Chiểu	588	588	100	0	0.0	298	50.7	202	34.4	88	15.0	
29	2	THCS Bình Thọ	279	279	100	0	0.0	184	66.0	59	21.1	36	12.9	Hệ VLVH
		PC THCS Bình Thọ	26	25	96.2	1	3.8	1	4.0	7	28.0	17	68.0	
30	3	THCS Dương Văn Thị	422	422	100	0	0.0	169	40.0	159	37.7	94	22.3	
31	4	THCS Hiệp Bình	522	522	100	0	0.0	190	36.4	207	39.7	125	23.9	
32	5	THCS Lê Quý Đôn	681	681	100	0	0.0	357	52.4	200	29.4	124	18.2	
33	6	THCS Lê Văn Việt	110	110	100	0	0.0	59	53.6	35	31.8	16	14.5	
34	7	THCS Linh Đông	352	352	100	0	0.0	157	44.6	131	37.2	64	18.2	
35	8	THCS Linh Trung	463	463	100	0	0.0	199	43.0	169	36.5	95	20.5	
36	9	THCS Ngô Chí Quốc	654	653	99.8	1	0.2	331	50.7	227	34.8	95	14.5	
37	10	THCS Nguyễn Văn Bá	499	499	100	0	0.0	183	36.7	194	38.9	122	24.4	
38	11	THCS Tam Bình	432	432	100	0	0.0	164	38.0	153	35.4	115	26.6	
39	12	THCS Thái Văn Lung	559	557	100	2	0.4	228	40.9	208	37.3	121	21.7	Hệ VLVH
		PC THCS Thái Văn Lung	64	64	100	0	0.0	19	29.7	19	29.7	26	40.6	
40	13	THCS Trường Thọ	466	465	99.8	1	0.2	216	46.5	149	32.0	100	21.5	Hệ VLVH
		PC THCS Trường Thọ	11	11	100	0	0.0	2	18.2	7	63.6	2	18.2	
41	14	THCS Trương Văn Ngu	246	244	99	2	0.8	94	38.5	76	31.1	74	30.3	
42	15	THCS Xuân Trường	359	359	100	0	0.0	92	25.6	147	40.9	120	33.4	Hệ VLVH
		PC THCS Xuân Trường	35	35	100	0	0.0	11	31.4	13	37.1	11	31.4	
43	16	TH, THCS và THPT Emasi Vạn Phúc	29	29	100	0	0.0	24	82.8	5	17.2	0	0.0	
44	17	Trung tâm GDNN-GDTX TP Thủ Đức	40	39	98	1	2.5	9	23.1	21	53.8	9	23.1	Hệ VLVH
CỤM CHUYÊN MÔN 12 PHƯỜNG			6837	6829	99.9	8	0.1	2987	43.7	2388	35.0	1454	21.3	
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC			14626	14604	99.8	22	0.2	6710	45.9	4979	34.1	2915	20.0	

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO